TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 823/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 09 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 459/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1983; Thường trú: 32/6 khu phố 3, đường số 2, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Trần Tử L, sinh năm: 1978; Thường trú: 54A P, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Kim Đ; sinh năm: 1955; Địa chỉ: 54A P, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trần Tử L .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trần Tử L cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trần Tử L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2007, quyển số 01/P.TT ngày 15/6/2007 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà O và ông L chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Trần Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 26/12/2007 và Trần Nguyễn Thiên K, sinh ngày 21/9/2010. Khi ly hôn, bà O nuôi trẻ Thiên K, ông Long nuôi trẻ Hoàng T. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các bên do các bên không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà O, ông L có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà O và ông L cùng xác nhận còn nợ bà Mai Kim Đ số tiền 100.000.000 đồng, trong đó: bà O còn nợ bà Đ là 44.000.000 đồng, ông L còn nợ bà Đ là 56.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ thanh toán:

+ Bà O có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền là 44.000.000 đồng.

Thời gian và phương thức thanh toán: Thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2018 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Địa điểm: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Đối với số tiền ông L còn nợ bà Đ thì bà Đ và ông L tự thỏa thuận giải quyết. Tách ra thành vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu khởi kiện.

- Về án phí :

+ Án phí dân sự sơ thẩm là 1.100.000 đồng, ông L tự nguyện chịu ½ số tiền án phí trên, bà Ochịu ½ số tiền án phí còn lại, cụ thể:

Ông L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng.

Bà O chịu án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng. Ngoài ra, bà O còn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, tổng cộng bà O phải chịu án phí là 700.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà O đã nộp theo Biên lai thu 0011051 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà O còn phải nộp thêm số tiền án phí là 400.000 đồng.

+ Bà Đ thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó Tòa án không xử lý tiền tạm ứng án phí khi giải quyết.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- UBND phường T, quận Tân Phú
- Lưu: VP, hồ sơ (Thúy).

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai